

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 9 - ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 29/2026/HNGĐ-ST

Ngày: 03 - 4 - 2026

*V/v Kiện không công nhận vợ
chồng.*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 9 - ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Văn Long.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Lê Hằng Nga - Thư ký Toà án nhân dân khu vực 9 – Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9 – Đắk Lắk tham gia phiên tòa:
Ông Y Đum KPă – Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 4 năm 2026, tại Phòng xử án - Toà án nhân dân khu vực 9 – Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục rút gọn đối với vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 50/2026/TLST – HN&GD, ngày 10 tháng 3 năm 2026 về việc “Kiện không công nhận là vợ chồng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 24/2026/QĐXX-ST ngày 25/3/2026, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông **Lê Như C**, sinh năm 1963, CCCD 046063000436. Địa chỉ: **Thôn B, xã E, tỉnh Đắk Lắk**. Vắng (có đơn xin xét xử vắng mặt).

Bị đơn: Bà **Nguyễn Thị H**, sinh năm 1963; CCCD 052163015605. Trú tại: **Thôn B, xã E, tỉnh Đắk Lắk**. Vắng (có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 04/03/2026 và quá trình làm việc tại Tòa án, nguyên đơn ông **Lê Như C, trình bày:**

- Về quan hệ hôn nhân: Ông **Lê Như C** và bà **Nguyễn Thị H** chung sống với nhau năm 1989, trên cơ sở tự nguyện nhưng không đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống xảy ra nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân xuất phát từ việc bà **H** vay mượn tiền để làm ăn riêng và thua lỗ, dẫn đến thường xuyên cãi vã nhau, đã nhiều lần khởi kiện ra toà án, nhưng vì các con nên cố gắng chịu đựng, đến năm 2023 không thể tiếp tục sống chung với nhau được nữa nên hai người đã sống ly thân, nay ông **Lê Như C** đề nghị Toà án giải quyết không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông và bà **Nguyễn Thị H**.

- Về con chung: Ông **Lê Như C** và bà **Nguyễn Thị H** có 02 con chung là **Lê Nguyên H1**, sinh 14/02/1991 và **Lê Nguyên P**, sinh ngày 24/02/1990, hiện tại các con đã lớn và có gia đình riêng nên không yêu cầu giải quyết.

- Về tài sản, nợ: Ông **Lê Như C** không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* **Bị đơn Bà Nguyễn Thị H trình bày:** Bà **Nguyễn Thị H** và ông **Lê Như C** sống chung với nhau năm 1989 nhưng không đăng ký kết hôn. Quá trình sống chung đã phát sinh nhiều mâu thuẫn, hiện nay hai người đã ly thân. Nay ông **C** yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận bà và ông **C** là vợ chồng thì bà cũng đồng ý và đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Bà **Nguyễn Thị H** và ông **Lê Như C** có 02 con chung là **Lê Nguyên H1**, sinh 14/02/1991 và **Lê Nguyên P**, sinh ngày 24/02/1990, các con đã lớn trên 18 tuổi và có gia đình riêng nên không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản, nợ: Bà **Nguyễn Thị H** không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Các tài liệu, chứng cứ thu thập có trong hồ sơ vụ án:

- Tài liệu, chứng cứ nguyên đơn cung cấp gồm: Đơn khởi kiện; CCCD của ông **Lê Như C**, bà **Nguyễn Thị H**, anh **Lê Nguyên H1** và chị **Lê Nguyên P**; sổ hộ khẩu gia đình (phô tô).

- Tài liệu chứng cứ, do Tòa án thu thập: Bản tự khai của ông **Lê Như C**; Biên bản ghi lời khai của bà **Nguyễn Thị H**.

- Tài liệu chứng cứ do bị đơn cung cấp: không.

*Ý kiến của kiểm sát viên:

- Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, của HĐXX đều tuân thủ đúng các quy định của pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án; xác định đúng thẩm quyền, quan hệ pháp luật, tư cách tham gia tố tụng của các đương sự; các đương sự thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình. Việc áp dụng thủ tục rút gọn đúng quy định. Về thời hạn xét xử: đảm bảo đúng thời hạn quy định.

- Về nội dung: Ông **Lê Như C** và bà **Nguyễn Thị H2** tự nguyện chung sống với nhau nhưng không đăng ký kết hôn. Vì vậy, yêu cầu khởi kiện không công nhận vợ chồng của ông **Lê Như C** là có căn cứ, đề nghị Tòa án chấp nhận toàn bộ đơn yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, xét xử xét thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng: Việc Tòa án thụ lý và giải quyết vụ án là đúng quy định tại các Điều 28, 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự; quan hệ pháp luật là “kiện yêu cầu không công nhận là vợ chồng”; Tòa án giải quyết vụ kiện theo thủ tục rút gọn đảm bảo đúng quy định theo Điều 317 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nguyên đơn và bị đơn đều có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa, nên Tòa án xét xử vắng mặt các đương sự theo Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Ông **Lê Như C** và bà **Nguyễn Thị H** chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1989, việc chung sống là tự nguyện; mặc dù có đủ điều

kiện kết hôn theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình, nhưng không tiến hành đăng ký kết hôn tại UBND cấp có thẩm quyền, nên không phát sinh quyền và nghĩa vụ của vợ chồng. Quá trình chung sống, phát sinh nhiều mâu thuẫn, nên ông **Lê Như C** khởi kiện yêu cầu Tòa án không công nhận ông với bà **Nguyễn Thị H** là vợ chồng.

Xét yêu cầu khởi kiện của ông **Lê Như C** là có căn cứ phù hợp với Điều 14 và Điều 53 Luật hôn nhân & gia đình, nên chấp nhận.

[3] Về con chung: Trong thời kỳ chung sống với nhau, ông **Lê Như C** và bà **Nguyễn Thị H** có 02 con chung là **Lê Nguyên H1**, sinh 14/02/1991 và **Lê Nguyên P**, sinh ngày 24/02/1990, các con đã lớn trên 18 tuổi và có gia đình riêng nên các đương sự không yêu cầu giải quyết.

[4] Về tài sản chung, nợ: Ông **Lê Như C** và bà **Nguyễn Thị H** tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về án phí: Ông **Lê Như C** và bà **Nguyễn Thị H** là người cao tuổi (đều đã trên 60 tuổi) và có đơn xin miễn án phí, nên miễn toàn bộ án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm cho ông **C** và bà **H**.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39; khoản 4 Điều 147; Điều 228; Điều 317; Điều 320, Điều 321 và Điều 322 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 14; khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình. Điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông **Lê Như C**.

- Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông **Lê Như C** với bà **Nguyễn Thị H**.

- Về con chung: Ông **Lê Như C** và bà **Nguyễn Thị H** có 2 con chung là **Lê Nguyên H1**, sinh 14/02/1991 và **Lê Nguyên P**, sinh ngày 24/02/1990, các con đã lớn trên 18 tuổi, các đương sự không yêu cầu giải quyết, nên không xem xét.

- Về tài sản chung: Ông **Lê Như C** và bà **Nguyễn Thị H**, tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét.

- Về án phí: Miễn Toàn bộ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm cho ông **Lê Như C** và bà **Nguyễn Thị H**.

- Về quyền kháng cáo: các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 7 ngày, kể từ ngày nhận được bản án, hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk;
- Viện KSND khu vực 9;
- Phòng THADS khu vực 9;
- Các đương sự;
- UBND xã Ea Drăng;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Bùi Văn Long

